

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1468/QĐ-BXD ngày 17/12/2008 của Bộ trưởng Bộ xây dựng về việc ủy quyền cho Vụ trưởng vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường ký văn bản công nhận năng lực thực hiện các phép thử của phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty TNHH Xây dựng 927 Nha Trang, ngày 11 tháng 5 năm 2018,

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty TNHH xây dựng 927 Nha Trang

Địa chỉ: 61 Nguyễn Thị Định, P. Phước Long, Tp. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Mã số thuế: 4201791528

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm kiểm định xây dựng.

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: 61 Nguyễn Thị Định, phường Phước Long, Tp. Nha Trang, Khánh Hòa.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 927

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp và thay thế các Quyết định: số 475/QĐ-BXD ngày 13 tháng 08 năm 2015 và số 627/QĐ-BXD ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH xây dựng 927 Nha Trang;
- Sở XD tỉnh Khánh Hòa;
- TT thông tin (Website);
- Lưu: VT, Vụ KHCN&MT.

TL. BỘ TRƯỞNG

VỤ TRƯỞNG

VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG



Vũ Ngọc Anh



DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 927

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
Số: **330** /GCN-BXD, ngày **31** tháng **5** năm 2018)

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiên hành thử
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG		
1	- Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:03
2	- Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:11
3	- XĐ độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:05
HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG		
4	- Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:93
5	- Thử độ cứng vebe	TCVN 3107:93
6	- Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:93
7	- Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:93
8	- Xác định hàm lượng bọt khí vữa bê tông	TCVN 3111:93
9	- Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:93
10	- Xác định độ hút nước	TCVN 3113:93
11	- Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:93
12	- Xác định độ chống thấm	TCVN 3116:93
13	- Xác định giới hạn bền khí nén	TCVN 3118:93
14	- Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:93
15	- Xác định thời gian đông kết của bê tông	TCXDVN 376:06; TCVN 9338:12
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG		
16	- Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:12
17	- Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:12
18	- Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:12
19	- Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:12
20	- Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:12
21	- Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:12
22	- Đàm nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	22TCN 333:06
23	- Xác định hệ số thấm K	ASTM D2434-00
24	- Xác định đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:12
25	- Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất	TCVN 8724:12
26	- Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:95
KIỂM TRA KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN		
27	- Thử kéo	TCVN 197:14
28	- Thử uốn	TCVN 198:08
29	- Kiểm tra chất lượng mối hàn-thử uốn	TCVN 5401:10
30	- Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403:10
THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG		
31	- Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đại	22TCN 02-71
32	- Độ ẩm; khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:06
33	- Độ bằng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:11
34	- Xác định modun đàn hồi theo độ võng đàn hồi dưới bánh xe bằng cần Benkelman	TCVN 8867:11
35	- Xác định modun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường	TCVN 8861:11

	bằng phương pháp tấm ép cứng	
36	- Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:11
37	- Đo điện trở đất	TCVN 9385:12
38	- Xác định cường độ bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:12
39	- Xác định độ hao mòn Los Angeles	AASHTO T196-87
40	- Siêu âm thành vách hố khoan cọc khoan nhồi	22TCN 257:00
41	- Thí nghiệm cọc khoan nhồi bằng phương pháp siêu âm	BS1881 P203:88 TCVN 9396:12
42	- Cọc-Phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:12
43	- Thí nghiệm cọc bằng phương pháp biến dạng lớn (PDA)	ASTM D4945-00 TCVN 9394:12
44	- Thí nghiệm biến dạng nhỏ (PIT)	ASTM D5882-00 TCVN 9379:12
45	- Kiểm tra độ thẳng đứng của cọc khoan nhồi (koden test)	TCXDVN 326:04
THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG		
46	- Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn	TCVN 3121-1:03
47	- Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:03
48	- Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:03
49	- Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:03
50	- Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:03
51	- Xác định khối lượng thể tích của mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:03
52	- Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:03
53	- Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:03
THỬ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA		
54	- Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:06
55	- Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:06
56	- Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:06
57	- Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ rỗng	TCVN 7572-6:06
58	- Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:06
59	- Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:06
60	- Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:06
61	- Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:06
62	- Xác định độ nén đập trong và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:06
63	- Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Los Angeles)	TCVN 7572-12:06
64	- Xác định hàm lượng hạt thoai dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:06
65	- Xác định khả năng phản ứng kiềm - silic	TCVN 7572-14:06
66	- Xác định hàm lượng ion clorua	TCVN 7572-15:06
67	- Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:06
68	- Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:06
69	- Xác định hệ số (ES)	ASTM D2419-91
BÊ TÔNG NHỰA		
70	- Phương pháp xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:11
71	- Phương pháp xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy ly tâm	TCVN 8860-2:11
72	- Phương pháp xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:11
73	- Phương pháp xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:11

74	- Phương pháp xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích bê tông đã đầm nén	TCVN 8860-5:11
75	- Phương pháp xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:11
76	- Phương pháp xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:11
77	- Phương pháp xác định độ lu lèn	TCVN 8860-8:11
78	- Phương pháp xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:11
79	- Phương pháp xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:11
80	- Phương pháp xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:11
81	- Phương pháp xác định độ ổn định của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:11
NHỰA BITUM		
82	- Xác định độ kim lún ở 25°C	TCVN 7495:05
83	- Xác định độ kéo dài ở 25°C	TCVN 7496:05
84	- Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:05
85	- Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:05
86	- Xác định độ tổn thất sau khi đun nóng ở 136°C trong 5 giờ	TCVN 7499:05
87	- Xác định khối lượng riêng ở 25°C	TCVN 7501:05
88	- Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504:05
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY		
89	- Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:09
90	- Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:09
91	- Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:09
92	- Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:09
93	- Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:09
THỬ CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG B.T.N		
94	-Hình dáng bên ngoài; Thành phần hạt; Lượng mất khi nung; Hàm lượng nước; Khối lượng riêng của bột khoáng; Khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất; Hệ số hấp nước; Hàm lượng chất hòa tan trong nước; Chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	22TCN 58-84
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BLOCK BÊ TÔNG		
96	-Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén; Xác định độ rỗng; Xác định độ hút nước	TCVN 6477:16
CƠ LÝ BENTONITE		
97	-Xác định khối lượng riêng; Độ nhớt; Hàm lượng cát; Tỷ lệ chất keo; Lượng mất nước; Độ dày áo của sét; Lực cắt tĩnh; Độ pH	TCVN 9395:12

Ghi chú (*) – Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.